

Số: 21/NQ-HĐND

Hải Lăng, ngày 29 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 xã Hải Lăng
(Nguồn vốn ngân sách xã quản lý)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ HẢI LĂNG
KHÓA II, KỲ HỌP THỨ BA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024; Luật số 90/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định 85/2025/NĐ-CP ngày 8 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 08/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ Về việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 23/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn đầu tư công gắn với hạch toán kinh tế - xã hội, đánh giá hiệu quả đầu tư; đẩy nhanh tiến độ xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026-2030.

Xét Tờ trình số 1433 /TTr-UBND ngày 28/7/2026 của Ủy ban nhân dân xã Hải Lăng về việc đề nghị Hội đồng nhân dân xã thông qua Nghị quyết về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 nguồn vốn ngân sách xã phân cấp quản lý, cụ thể như sau:

1. Về Kế hoạch vốn đầu tư công và danh mục công trình, dự án giai đoạn 2026-2030

Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 dự kiến bố trí cho 34 công trình dự án và nhiệm vụ, với tổng nhu cầu vốn 172.513,4 triệu đồng, gồm:

- a. Ngân sách tỉnh (đề nghị hỗ trợ) : 22.084,0 triệu đồng;
- b. Nguồn vốn ngân sách xã : 140.732,3 triệu đồng, gồm:
 - Vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung : 12.790,0 triệu đồng;
 - Vốn Chương trình Nông thôn mới : 11.890,0 triệu đồng;
 - Vốn CTMTQG về Văn hoá : 5.175,0 triệu đồng;
 - Vốn xã hội hóa : 4.498,0 triệu đồng;
 - Nguồn vốn hợp pháp khác : 187,3 triệu đồng.
- Thu tiền sử dụng đất (phần ngân sách xã được hưởng): 102.192,0 triệu đồng;

(Chi tiết theo Phụ lục 2 đính kèm)

2. Về tổng nguồn vốn dự kiến:

Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2026-2030 dự kiến là: 162.816,3 triệu đồng; Trong đó, tổng ngân sách xã là 140.732,3 triệu đồng, phân bổ như sau:

- Thanh toán công trình dự án đã hoàn thành : 2.570,0 triệu đồng
- Công trình chuyển tiếp : 7.365,2 triệu đồng
- Nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết : 2.000,0 triệu đồng
- Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư : 2.000,0 triệu đồng
- Dự án khởi công mới (khi đủ điều kiện) : 126.797,1 triệu đồng

(Chi tiết theo phụ lục 01 đính kèm).

Điều 2. Thống nhất Danh mục đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 nguồn vốn đề nghị tỉnh hỗ trợ với 11 danh mục dự án, tổng nguồn vốn đề nghị hỗ trợ 723.300,0 triệu đồng.

(Chi tiết theo phụ lục 03 đính kèm).

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân xã phối hợp với Ban Thường trực UBMTTQVN xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Hải Lăng khóa II, kỳ họp thứ Ba thông qua ngày 29 tháng 7 năm 2026 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận: 

- TT HĐND, UBND tỉnh (b/c) ;
- BTV Đảng uỷ (b/c);
- TT. HĐND, UBND, BTT UBMT xã;
- Các ban HĐND xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Các cơ quan đơn vị thuộc xã;
- CVP, PVP, CV;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH


Nguyễn Quang Hải

PHỤ LỤC 01
PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2026 -2030

(Kèm theo Nghị quyết số **21** /NQ-HĐND ngày 29/7/2026 của HĐND xã Hải Lăng)

TT	Phương án phân bổ	Kế hoạch 2026-2030			Ghi chú
		Tổng số:	NS xã	NS tỉnh	
	TỔNG NGUỒN VỐN	162,816.3	140,732.3	22,084.0	
	Phân bổ các nhiệm vụ theo thứ tự ưu tiên				
1.0	Bố trí các công trình hoàn thành quyết toán và trả nợ XD CB (ngân sách xã và nhận bàn giao từ xã cũ)	2,570.0	2,570.0		Giao UBND xã phân bổ chi tiết sau khi quyết toán hoàn thành công trình/dự án
2.0	Bố trí vốn các dự án ngân sách xã phân bổ giai đoạn 2021-2025 chuyển tiếp sang giai đoạn 2026-2030	7,365.2	7,365.2		
3.0	Bố trí vốn nhiệm vụ quy hoạch	2,000.0	2,000.0		
4.0	Bố trí vốn nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư	2,000.0	2,000.0		
5.0	Bố trí cho dự án khởi công mới	126,797.1	126,797.1		
a	Bố trí vốn cho Danh mục dự án tạo quỹ đất đấu giá	50,000.0	50,000.0		
b	Bố trí cho dự án/công trình thuộc lĩnh vực Văn hóa - Xã hội	10,860.0	10,860.0		
c	Giáo dục, y tế	35,200.0	17,500.0	17,700.0	
d	Giao thông thủy lợi, điện chiếu sáng, môi trường	30,221.1	30,221.1		
e	Nhiệm vụ chương trình giáo dục, ứng dụng KHCN và chuyển đổi số	6,200.0	3,816.0	2,384.0	
g	Quản lý nhà nước, chỉnh trang nông thôn	14,400.0	14,400.0		
h	Quốc phòng-an ninh	2,000.0		2,000.0	

DANH MỤC ĐẦU TƯ CÔNG TRƯỜNG HẠNG GIAI ĐOẠN 2026-2030
XÃ HẢI LĂNG

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 29/7/2026 của HĐND xã Hải Lăng)

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Số Quyết định	KC-HT	Năng lực thiết kế	Tổng mức đầu tư	Đã bố trí 21-25	Phân Kỳ giải đoạn 2026-2030	Kế hoạch vốn dự kiến 2026-2030							Vốn xin NS tỉnh hỗ trợ	Ghi chú
									Tổng số	NS XD/CB tập trung	Vốn thu cấp quyền SDB	Vốn NTM	Vốn VH	Vốn khác	Nhân dân đóng góp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	14	15	16	17	18	19	20	21	22
	CÔNG: A+B+C+D+E					172,513.4	9,697.1	15,621.6	140,732.3	12,790.0	102,192.0	11,890.0	5,175.0	187.3	4,498.0	22,084.0	
A	THÀNH TOÀN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐÃ HOÀN THÀNH					7,207.3	4,637.3	1,861.9	2,570.0	-	2,382.7	-	-	187.3	-	-	-
1	Mở rộng trường Mầm non Hải Thương (điểm trường Đại An Khê), Hàng mục: San nền, mở rộng điểm trường Đại An Khê	Thôn Đại An Khê	71/QĐ-UBND 26/3/2021	2023-2024		278.6	145.1	133.5	133.5		133.5						Quyết toán hoàn thành công trình/dự án
2	Cơ sở hạ tầng khu vực Cồn Thanh, xã Hải Phú; hàng mục: San nền, đường giao thông, hệ thống thoát nước, hệ thống điện và cảnh mồi phân lô.	Thôn Phú Hưng	206/QĐ-UBND 20/10/2020	2022-2023		5,200.3	3,292.2	1,200.0	1,908.1		1,908.1						Quyết toán hoàn thành công trình/dự án
3	Nhà văn hoá Đội 4 thôn Long Hưng xã Hải Phú	Thôn Long Hưng	536/QĐ-UBND 29/3/2022	2021-2024		1,383.1	1,200.0	183.1	183.1		183.1						Quyết toán hoàn thành công trình/dự án
4	Sửa chữa, quét vôi các phòng học và các hạng mục phụ trợ trường MN Hải Lâm	Thôn Trường Phước	133/QĐ-UBND ngày 03/6/2025	2025		158.0		158.0	158.0		158.0						Quyết toán hoàn thành công trình/dự án
5	Xây dựng cơ sở hạ tầng điểm dân cư xã Hải Lâm	Thôn Mai Dân		2025		187.3		187.3	187.3					187.3			Quyết toán hoàn thành công trình/dự án

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Số Quyết định	KC-HT	Năng lực thiết kế	Tổng mức đầu tư	Đã bố trí 21-25	Phân Kỳ giải đoạn 2026-2030	Kế hoạch vốn dự kiến 2026-2030							Vốn xin NS tỉnh hỗ trợ	Ghi chú
									Tổng số	NS XD/CB tập trung	Vốn thu cấp quyền SDD	Vốn NTM	Vốn VH	Vốn khác	Nhân dân đóng góp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	14	15	16	17	18	19	20	21	22
	CÔNG: A+B+C+D+E					172,513.4	9,697.1	15,621.6	140,732.3	12,790.0	102,192.0	11,890.0	5,175.0	187.3	4,498.0	22,084.0	
B	CÔNG TRÌNH DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP					12,425.0	5,059.8	1,930.0	7,365.2	-	7,365.2	-	-	-	-	-	-
6	Cơ sở hạ tầng điểm dân cư nông thôn xã Hải Thượng: Khu vực 6 và Trầm Đôn, thôn Đại An Khê	Thôn Đại An Khê	QĐ 53/QĐ-UBND, 4/7/22	2026-2027		2,525.0	159.8	1,030.0	2,365.2		2,365.2						Dự kiến KH năm 2026: 1,303 triệu
7	Trường TH&THCS Hải Thượng, Hàng mục: Nhà 10 phòng học, nhà hành chính quán trị	Thường Xá	QĐ 747/QĐ-UBND 20/11/22	2026-2027		9,900.0	4,900.0	900.0	5,000.0		5,000.0						kiến KH năm 2026: 900 triệu
C	NHIỆM VỤ QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG	Xã Hải Lăng		2027-2030	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 (khoảng 20ha)các khu chức năng, khu dân cư mới để đầu tư xây dựng Trung tâm hành chính và hệ thống hạ tầng xã hội; Khu chức năng sản xuất nông - lâm	2,000.0			2,000.0	1,000.0	1,000.0						
D	THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ	Xã Hải Lăng		2026-2030		2,000.0		332.7	2,000.0	332.7	1,667.3						
E	CÔNG TRÌNH KHƠI CÔNG MỐI GIAI ĐOẠN 2026-2030	Xã Hải Lăng		2026-2030		148,881.1	-	11,497.0	126,797.1	11,457.3	89,776.8	11,890.0	5,175.0	-	4,498.0	22,084.0	
I	DANH MỤC DỰ ÁN TẠO QUỸ ĐẤT ĐỂ ĐẦU TƯ			2026-2030		50,000.0	-	1,060.8	50,000.0	1,241.3	48,758.7	-	-	-	-	-	

18

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Số Quyết định	KC-HT	Nội dung thiết kế	Tổng mức đầu tư	Đã bố trí 21-25	Phải Kỵ giải đoạn 2026-2030	Kế hoạch vốn dự kiến 2026-2030										Vốn xin NS tỉnh hỗ trợ	Ghi chú
									Tổng số	NS XD/CB tập trung	Vốn thu cấp quyền SDD	Vốn NTM	Vốn VH	Vốn khác	Nhân dân đóng góp					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	14	15	16	17	18	19	20	21	22			
	CỘNG: A+B+C+D+E					172,513.4	9,697.1	15,621.6	140,732.3	12,790.0	102,192.0	11,890.0	5,175.0	187.3	4,498.0	22,084.0				
8	Cơ sở hạ tầng điểm dân cư Hải Thượng: Khu vực trước trường TH&THCS Hải Thượng.	Thôn Thượng Xã		2027-2029	Đầu tư hoàn chỉnh, đồng bộ HTKT khu đất 5,0 ha (QCVN 01:2021/BXD) gồm đất: giao thông, cây xanh, điện chiếu sáng, thoát nước, đất ở...	20,000.0	-		20,000.0	483.4	19,516.6									
9	Cơ sở Hạ tầng đầu gia QSD đất KV Long Hưng (Giáp KĐT Võ Văn Kiệt)	Thôn Long Hưng		2028-2030	Xây dựng hoàn chỉnh HTKT khu đất 2 ha theo tiêu chuẩn đô thị (QCVN 01:2021/BXD) Đầu tư hoàn chỉnh HTKT khu dân cư nông thôn 4,2 ha đạt chuẩn NTM (QCVN 01:2021/BXD). Tối ưu diện tích đất ở đầu giá (~4,2 ha).	15,000.0	-		15,000.0	483.3	14,516.7							Đầu tư hoàn thiện CSHT đầu giá QSD đất		
10	Xây dựng CSHT điểm dân cư thôn Mai Đan (Còn Dè, KCD)	Thôn Mai Đan		2026-2028		15,000.0		1,060.8	15,000.0	274.6	14,725.4									
II	LĨNH VỰC VĂN HOÁ - XÃ HỘI					10,860.0	-	7,118.1	10,860.0	-	3,065.0	400.0	5,175.0	-	2,220.0	-				
11	Trùng tu di tích đình Làng Long Hưng	Thôn Long Hưng	23/QĐ-UBND ngày 24/12/2025	2026-2028		3,500.0		1,718.1	3,500.0		2,300.0				1,200.0					
12	Nâng cấp, sửa chữa Nhà Văn hóa và trang thiết bị bên trong nhà văn hóa các thôn (07 thôn)	Xã Hải Lăng		2026-2030		5,400.0		5,400.0	5,400.0		765.0	400.0	3,415.0		820.0			UBND xã bổ sung danh mục		

Đầu tư hoàn thiện CSHT đầu giá QSD đất

UBND xã bổ sung danh mục



Stt	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Số Quyết định	KC-HT	Năng lực thiết kế	Tổng mức đầu tư	Đã bố trí 21-25	Phần Kỳ giải đoạn 2026-2030	Kế hoạch vốn dự kiến 2026-2030							Vốn xin NS tỉnh hỗ trợ	Ghi chú
									Tổng số	NS XD/CB tập trung	Vốn thu cấp quyền SDD	Vốn NTM	Vốn VH	Vốn khác	Nhân dân đóng góp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	14	15	16	17	18	19	20	21	22
	CÔNG: A+B+C+D+E					172,513.4	9,697.1	15,621.6	140,732.3	12,790.0	102,192.0	11,890.0	5,175.0	187.3	4,498.0	22,084.0	
13	Nâng cấp hệ thống đài truyền thanh trên địa bàn xã Hải Lăng	7 thôn		2027-2030		1,000.0	-		1,000.0				800.0		200.0		UBND xã bổ sung danh mục
14	Đầu tư công tác VH, thông tin, tuyên truyền và nhiệm vụ khác thuộc lĩnh vực VH&XH	Xã Hải Lăng		2027-2030		960.0			960.0				960.0				
III	GIÁO DỤC - Y TẾ					37,200.0	-	600.0	17,500.0	2,700.0	14,800.0	-	-	-	-	19,700.0	
15	Nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy học Trường TH&THCS xã Hải Phú	Thôn Hải Phú, PHú Hưng		2027-2030		7,500.0			2,700.0	500.0	2,200.0					4,800.0	
16	Nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy học Trường TH&THCS Hải Lâm	Thôn Trường Phước		2027-2030		8,400.0			2,500.0	500.0	2,000.0					5,900.0	
17	Nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy học Trường Mầm non Hải Phú	Thôn Phú Hưng		2026-2030		2,800.0		600.0	2,300.0	400.0	1,900.0					500.0	
18	Nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy học Trường MN Hải Thượng	Thôn Đại An Khê		2027-2030		3,000.0			2,500.0	400.0	2,100.0					500.0	
19	Nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy học Trường TH&THCS Hải Thượng	Thôn Thường Xá		2027-2030		5,500.0			2,500.0	400.0	2,100.0					3,000.0	
20	Nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ dạy học Trường MN Hải Lâm	Thôn Trường Phước, Mai Dân		2027-2030		2,500.0			2,500.0		2,500.0					-	
21	Nâng cấp trạm y tế	Xã Hải Lăng		2027-2030		7,500.0			2,500.0	500.0	2,000.0					5,000.0	
IV	GIAO THÔNG, THUỶ LỢI, ĐIỆN CHIẾU SÁNG, MÔI TRƯỜNG					30,221.1	-	2,054.9	30,221.1	2,200.0	14,253.1	11,490.0		-	2,278.0	-	

Handwritten signature/initials.

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Số Quyết định	KC-HT	Năng lực thiết kế	Tổng mức đầu tư	Đã bố trí 21-25	Phần Kỳ giai đoạn 2026-2030	Kế hoạch vốn dự kiến 2026-2030										Vốn xin NS tỉnh hỗ trợ	Ghi chú
									Tổng số	NS XD/CB tập trung	Vốn thu cấp quyền SDB	Vốn NTM	Vốn VH	Vốn khác	Nhân dân đóng góp					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	14	15	16	17	18	19	20	21	22			
	CỘNG: A+B+C+D+E					172,513.4	9,697.1	15,621.6	140,732.3	12,790.0	102,192.0	11,890.0	5,175.0	187.3	4,498.0	22,084.0				
*	Lĩnh vực giao thông					15,000.0	-	1,833.8	15,000.0	-	7,200.0	6,500.0	-	-	1,300.0	-				
22	Đầu tư, nâng cấp hệ thống giao thông nông thôn và giao thông nội đồng trên địa bàn 07 thôn xã Hải Lăng	Các thôn trên địa bàn xã Hải Lăng		2026-2030	Tổng số: 10km, gồm: Thượng Xá: 1.5; Long Hưng: 1.5; Phú Hưng: 1.2; ĐAK: 1.5; Mai Đan: 2; Xuân Nguyên: 1; Trương Phước: 1 km	15,000.0		1,833.8	15,000.0		7,200.0	6,500.0			1,300.0		UBND xã phân bổ chi tiết			
*	Lĩnh vực Thủy lợi					5,000.0	-	-	5,000.0	2,200.0	1,000.0	1,500.0		-	300.0	-				
23	Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống thủy lợi và công trình trên kênh phục vụ sản xuất nông nghiệp.	Các thôn trên địa bàn xã Hải Lăng		2027-2030		5,000.0			5,000.0	2,200.0	1,000.0	1,500.0			300.0		UBND xã phân bổ chi tiết			
*	Lĩnh vực điện chiếu sáng					10,000.0	-	-	10,000.0	-	5,832.0	3,490.0		-	678.0	-				
24	Xây dựng, nâng cấp hệ thống điện chiếu sáng công cộng trên địa bàn xã Hải Lăng (07 thôn).	Các thôn trên địa bàn xã Hải Lăng		2027-2030	Khoảng 10km	10,000.0			10,000.0		5,832.0	3,490.0			678.0		UBND xã phân bổ chi tiết			
*	Lĩnh vực Môi trường					221.1	-	221.1	221.1	-	221.1	-		-	-					
25	Đo đạc cắm mốc khu đất Khe Khế	Thôn Phú Hưng	148/QĐ-UBND 27/3/2026	2026		221.1		221.1	221.1		221.1									
V	NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN GIÁO DỤC, ỨNG DỤNG KHCN VÀ CHUYÊN ĐỘI SỐ					6,200.0	-	663.2	3,816.0	3,616.0	200.0	-	-	-	-	2,384.0				
26	Nhiệm vụ, chương trình, dự án thuộc lĩnh vực Giáo dục - Đào tạo	Xã Hải Lăng		2026-2030		1,952.5		390.5	1,952.5	1,952.5						-				
27	Nhiệm vụ KHCN và chuyển đổi số	Xã Hải Lăng		2026-2031		3,047.5		272.7	1,363.5	1,363.5						1,684.0				

Stt	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Số Quyết định	KC-HT	Năng lực thiết kế	Tổng mức đầu tư	Đã bố trí 21-25	Phần Kỳ giải đoạn 2026-2030	Kế hoạch vốn dự kiến 2026-2030										Vốn xin NS tỉnh hỗ trợ	Ghi chú
									Tổng số	NS XD/CB tập trung	Vốn thu cấp quyền SDD	Vốn NTM	Vốn VH	Vốn khác	Nhân dân đóng góp					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	14	15	16	17	18	19	20	21	22			
	CỘNG: A+B+C+D+E					172,513.4	9,697.1	15,621.6	140,732.3	12,790.0	102,192.0	11,890.0	5,175.0	187.3	4,498.0	22,084.0				
28	Nâng cấp cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật và thiết bị hiện đại hoá Trung tâm PVHCC xã Hải Lăng	Xã Hải Lăng		2027-2030		1,200.0			500.0	300.0	200.0					700.0				
VI	LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, CHÍNH TRẠNG NÔNG THÔN					14,400.0	-	-	14,400.0	1,700.0	8,700.0	-	-	-	-					
29	Cải tạo, nâng cấp phòng làm việc trụ sở công (Đảng ủy; HĐND-UBND; UBNDT...)	Xã Hải Lăng		2027-2030		6,000.0			6,000.0	1,700.0	4,300.0									
30	Trang cấp trang thiết bị, đồ dùng chung của các cơ quan nhà nước	Xã Hải Lăng		2027-2030		4,000.0			4,000.0		4,000.0									
31	Chính trang Nông thôn	Xã Hải Lăng		2027-2030		400.0			400.0		400.0									
VII	QUỐC PHÒNG-AN NINH			2027-2030		2,000.0			2,000.0							2,000.0				
32	Nhiệm vụ QP AN	Xã Hải Lăng		2027-2030		2,000.0			2,000.0							2,000.0				

